

*Bản án số: 265/2022/HNGĐ-ST*

*Ngày: 09/9/2022*

*Về việc: “Tranh chấp ly hôn”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trâm Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo

Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hồng Hà – Thư ký Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 114/2022/HNGĐ ngày 06/5/2022 về việc *Tranh chấp ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 8/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2022/QĐST-HPT ngày 24/8/2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu N, sinh năm 1989*

*HKTT: Tổ 17 phường S, quận L, thành phố H.*

*Nơi ở hiện nay: 100 khu B, Thị trấn N, huyện L, L.*

*Bị đơn: Anh Lưu Ngọc T, sinh năm 1983*

*HKTT : Tổ 17 phường S, quận L, thành phố H.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản tố tụng khác tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị Thu N trình bày:**

Chị Trần Thị Thu N kết hôn với anh Lưu Ngọc T trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 14/9/2015 tại Ủy ban nhân dân phường L, quận L, thành phố H. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống cùng gia đình anh T tại tổ 17 phường S, quận L, H. Ngay khi về chung sống cùng anh T chị mới phát hiện anh T có con riêng và nghiện hút ma túy nhiều năm. Chị và gia đình đã khuyên ngăn giúp đỡ anh T cai nghiện nhiều lần nhưng anh T liên tục tái nghiện nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Do cuộc sống quá khó khăn nên tháng 5/2017

chị mang hai con chung về sống cùng bố mẹ đẻ tại 100 khu B, Thị trấn N, huyện L, L cho đến nay. Trong thời gian về L ở, anh T có đến nhà chửi bới và đưa con đi nhưng sau đó mang con về trả và cũng không thăm nuôi cấp dưỡng nuôi con chung. Chị xác nhận vợ chồng đã ly thân nhiều năm, cuộc sống hôn nhân không có tương lai nên kiên quyết xin ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh Lưu Ngọc T có 02 con chung là Lưu Ngọc Thắng C sinh ngày 13/6/2015 và Lưu Ngọc Bảo C, sinh ngày 13/3/2017. Ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung ( động sản + bất động sản ) và các khoản nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

**Tại bản tự khai bị đơn anh Lưu Ngọc T trình bày:**

Anh và chị Trần Thị Thu N có hộ khẩu thường trú tại tổ 17 phường S, quận L, TP H. Anh hiện đi làm ăn xa và không có đăng ký tạm trú tại nơi đang ở. Anh không đồng ý ly hôn. Khi nào chị N mang con ra Hà Nội anh mới đồng ý ly hôn.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:**

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về nhiệm vụ quyền hạn của thẩm phán quy định tại Điều 48, Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự; tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các thông báo và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đương sự và Viện kiểm sát đúng thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Chương XIV về phiên tòa sơ thẩm của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 71, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn là chị Trần Thị Thu N có đơn xin xử vắng mặt; bị đơn là anh Lưu Ngọc T được triệu tập hợp lệ hai lần đến phiên tòa nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

3. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Trần Thị Thu N. Chị Trần Thị Thu N được ly hôn anh Lưu Ngọc T.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Lưu Ngọc Thắng C sinh ngày 13/6/2015 và Lưu Ngọc Bảo C, sinh ngày 13/3/2017 cho chị Trần Thị Thu N trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về tài sản chung ( động sản + bất động sản ) và các khoản nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về án phí: Chị Trần Thị Thu N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

**Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, sau phần hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:**

**[1]. Về tố tụng:**

Yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu N thuộc những tranh chấp về Hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn là anh Lưu Ngọc T có nơi cư trú cuối cùng là tổ 17 phường S, quận L, H. Hiện anh Lưu Ngọc T vắng mặt tại nơi cư trú, anh Lưu Ngọc T thay đổi nơi trú mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về nơi cư trú. Vì vậy, Tòa án nhân dân quận Long Biên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 theo trường hợp hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ.

Nguyên đơn là Trần Thị Thu N có đơn xin xử vắng mặt; Bị đơn là anh Lưu Ngọc T đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa 02 lần nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự trong vụ án.

**[2]. Về nội dung:**

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Trần Thị Thu N và anh Lưu Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn theo “Giấy chứng nhận kết hôn” số 01 ngày 14/9/2015 tại Ủy ban nhân dân phường L, quận L, thành phố H, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn nhưng đều tự khắc phục. Tháng 5/2017 chị mang hai con chung về sống cùng bố mẹ đẻ tại 100 khu B, Thị trấn N, huyện L, L, vợ chồng ly thân cho đến nay. Từ khi chị mang con về L Đ ở anh T có đến nhà chửi bới và đòi đưa con đi nhưng sau đó mang con về trả và từ đó đến nay cũng không thăm hỏi cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án anh T không cung cấp cho tòa án nơi sinh sống hiện nay, anh T vắng mặt tại nơi cư trú nên tòa án nhân dân quận Long Biên đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng dưới hình thức niêm yết công khai đề thông báo cho anh T được biết.

Xét yêu cầu xin ly hôn của Chị Trần Thị Thu N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị Thu N và anh Lưu Ngọc T đã kéo dài trầm trọng. Mục đích của hôn nhân nhằm xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được vì vậy yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Thu N là có căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung: Chị Trần Thị Thu N và anh Lưu Ngọc T có 02 con chung là Lưu Ngọc Thắng C sinh ngày 13/6/2015 và Lưu Ngọc Bảo C, sinh ngày 13/3/2017

Cháu Lưu Ngọc Thắng C đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng ở với mẹ. Xét nguyện vọng nuôi cả 02 con chung hội đồng xét xử nhận thấy từ năm 2017 đến nay chị

N là người trực tiếp nuôi dạy cả 02 con chung, chị N hiện được gia đình tạo điều kiện về nơi ở và có thu nhập đủ điều kiện nuôi dưỡng các con . Vì vậy, Hội đồng xét xử giao hai con chung cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung ( động sản + bất động sản) và các khoản nợ chung: Chị N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2.4. Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

2.5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự.

***Bởi các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;*

*Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.*

*Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng , án phí lệ phí Tòa án và khoản 1.1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo nghị quyết:*

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Trần Thị Thu N. Chị Trần Thị Thu N được ly hôn anh Lưu Ngọc T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Lưu Ngọc Thắng C sinh ngày 13/6/2015 và Lưu Ngọc Bảo C, sinh ngày 13/3/2017 cho chị Trần Thị Thu N trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc.

Chị Trần Thị Thu N không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Anh Lưu Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung ( động sản + bất động sản) và các khoản nợ chung: Chị Trần Thị Thu N không yêu cầu nên không xét.

4. Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Thu N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị N đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0065075 ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên. Chị Trần Thị Thu N đã nộp đủ án phí.

Chị Trần Thị Thu N và anh Lưu Ngọc T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

***Nội nh***

- TAND TP. Hư Núi;
- VKSND Q.Long Biên;
- Chi cđc THADS Q.Long Biên;
- UBND phường L, quận L,  
TP Hà Nội. (đăng ký số 01 ngày 14/9/2015);
- Đương sự;
- Lưu hồ s-./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nguyễn Thị Trâm Anh***

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
HỘI THẨM NHÂN DÂN  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA  
PHIÊN TÒA**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN LONG BIÊN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

### BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 30 ngày 12 tháng 7 năm 2019.

Tại: Trụ sở TAND quận Long Biên, Hà Nội.

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Trâm Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Tạ Đức Minh

2/ Ông Nguyễn Đình Đạt

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 280/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30 /2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18 /2019/QĐST-HNGĐ ngày 27/6/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim Thu, sinh năm 1965.

HKTT: Tổ 1 Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, TP Hà Nội

Nơi cư trú: P 313 D18 Khu đô thị Đặng Xá, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội. ( Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Chí Trung, sinh năm 1966.

HKTT: Tổ 1 Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, TP Hà Nội

Nơi cư trú: Số 11 ngõ 93 đường Nguyễn Văn Linh, tổ 2 Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, TP Hà Nội. ( Vắng mặt) .

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,  
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

**-Về tố tụng:** Ông Nguyễn Chí Trung được triệu tập hợp lệ 02 lần đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Chí Trung.

*Kết quả biểu quyết: 3/3*

**-Về điều luật áp dụng:**

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án và khoản 1.1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo nghị quyết:

*Kết quả biểu quyết: 3/3*

**- Về phần quyết định:**

1. Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của Bà Nguyễn Thị Kim Thu. Bà Nguyễn Thị Kim Thu được ly hôn ông Nguyễn Chí Trung

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thu Huyền, sinh ngày 14/10/2008 cho bà Nguyễn Thị Kim Thu trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục.

Bà Nguyễn Thị Kim Thu và ông Nguyễn Chí Trung không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Ông Nguyễn Chí Trung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim Thu và ông Nguyễn Chí Trung không yêu cầu nên không xét.

4. Về án phí và quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kim Thu phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận bà Nguyễn Thị Kim Thu đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0001590 ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên. Bà Nguyễn Thị Kim Thu đã nộp đủ án phí.

Bà Nguyễn Thị Kim Thu được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Chí Trung được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

*Kết quả biểu quyết: 3/3*

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 12 tháng 7 năm 2019.

Bản b¶n nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

<b>HỘI THẨM NHÂN DÂN</b>	<b>HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM</b>
	<b>THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA</b>